Bài 8. HÀNG VÀ LỚP

1. Viết số hoặc chữ thích hợp vào ô trống :

Đọc số	Viết số	Lớp nghìn			Lớp đơn vị		
		Trăm nghìn	Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị
Bốn mươi tám nghìn một trăm mười chín							
	632 730						
		3	6	0	7	1	5

2. Viết vào chỗ chấm (theo mẫu) :

a) Trong số 876 325, chữ số 3 ở hàng trăm, lớp đơn vị.

b) Trong số 678 387, chữ số 6 ở hàng ....., lớp ..... .

c) Trong số 875 321, chữ số 5 ở hàng ....., lớp ..... .

d) Trong số 972 615, chữ số ... ở hàng chục nghìn, lớp nghìn.

e) Trong số 873 291, chữ số ... ở hàng chục, lớp ..... .

g) Trong số 873 291, chữ số ... ở hàng đơn vị, lớp ..... .

3. Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu) :

Số	543 216	254 316	123 456
Giá trị của chữ số 2	200		
Giá trị của chữ số 3			
Giá trị của chữ số 5			

4. Viết số thành tổng (theo mẫu) :

Mẫu : 65763 = 60000 + 5000 + 700 + 60 + 3.

73541 = ...

6532 = ...

83071 = ...

90025 = ...

LIVEWORKSHEETS